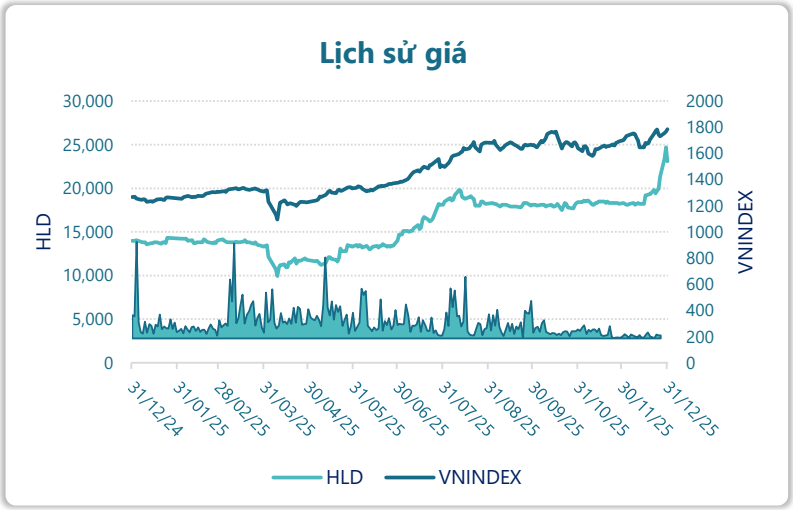
FireAnt

CTCP Đầu tư và Phát triển Bất động sản HUDLAND (HNX: HLD)



Thông tin giao dịch	31/12/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	**23,100**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	24,700
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	9,936
SL cổ phiếu LH	54,999,961
KLGD BQ 20 phiên (CP)	57,250
% sở hữu nước ngoài	2.6%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	1,270
P/E	67.0
EPS	345

DT thuần

Q4/25

240

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 216| 903%

YoY: ▲ 229| 2022%

LN sau thuế

Q4/25

12.6

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 9.12| 261%

YoY: ▲ 9.42| 295%

Tỷ suất lãi EBIT

2025

15.3%

+/- YoY: ▼ 7.3%

DT thuần

2025

277

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 248| 857%

LN sau thuế

2025

19.0

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 15.2| 397%

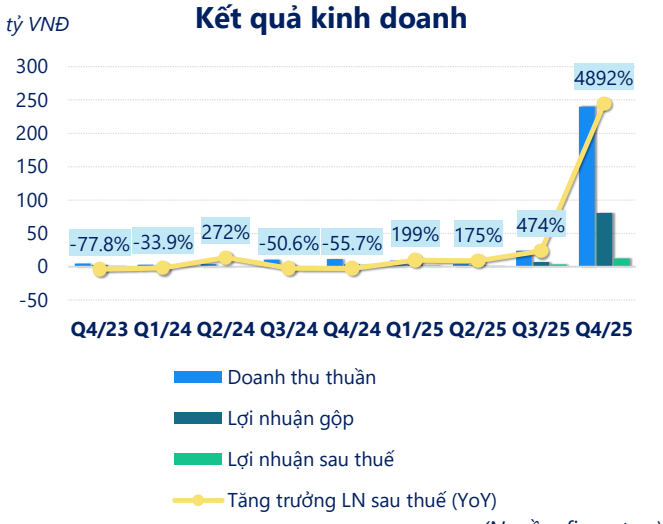
ROE

2025

3.4%

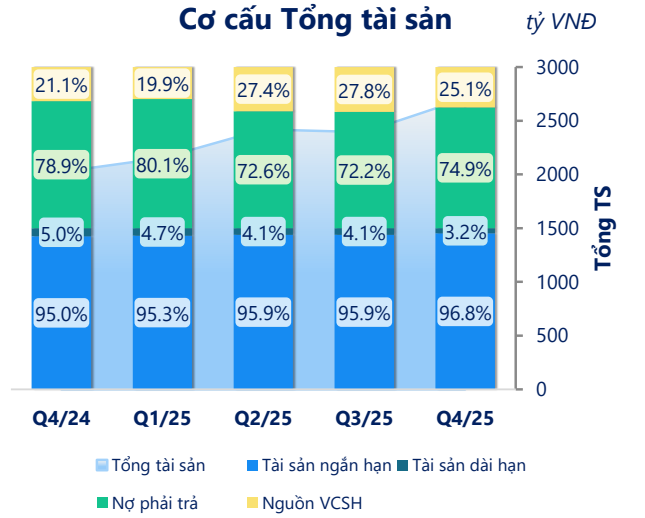
+/- YoY: ▲ 2.5%

Kết quả kinh doanh



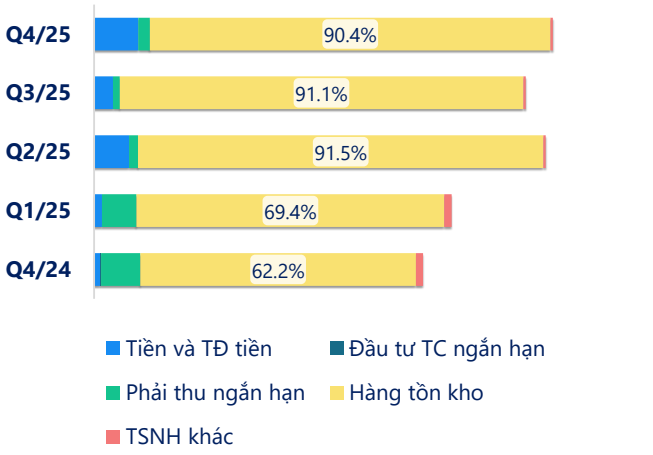
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản



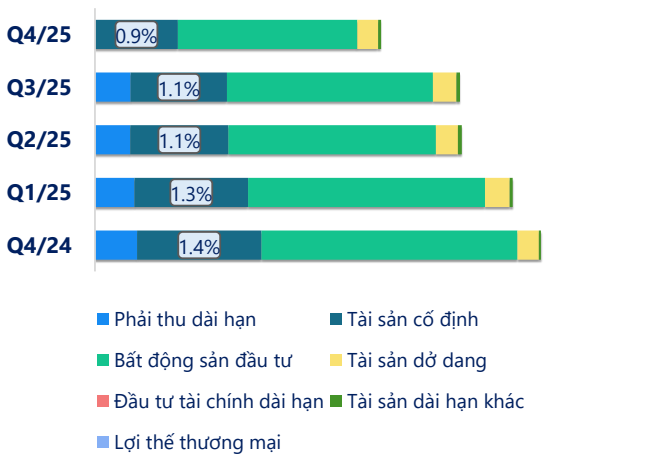
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



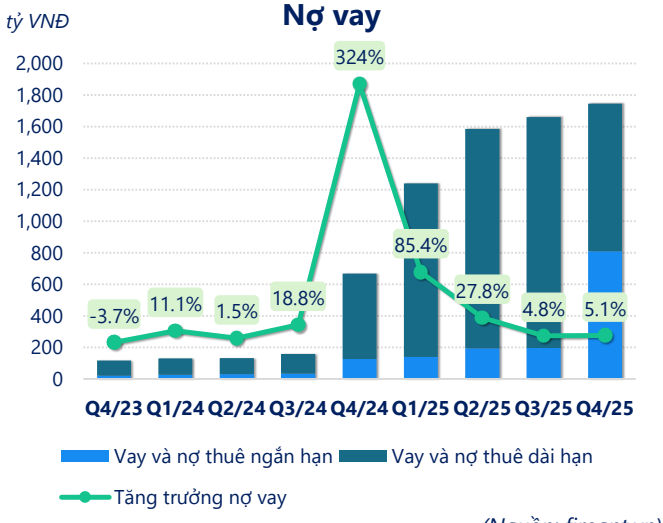
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



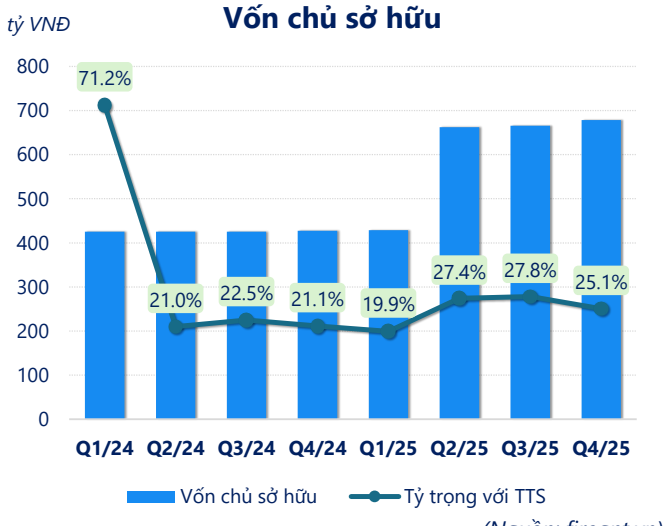
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



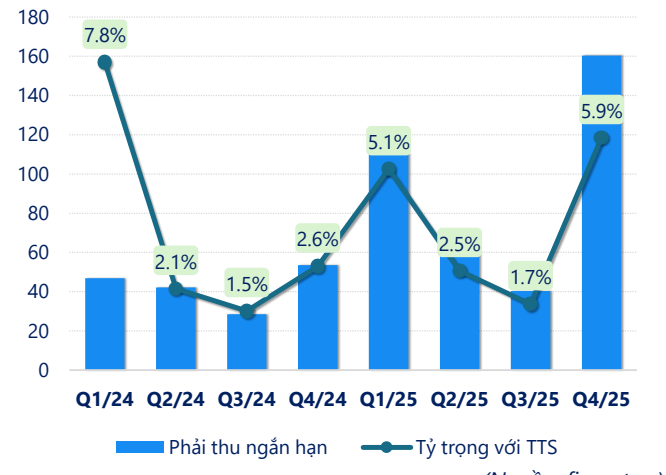
(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu



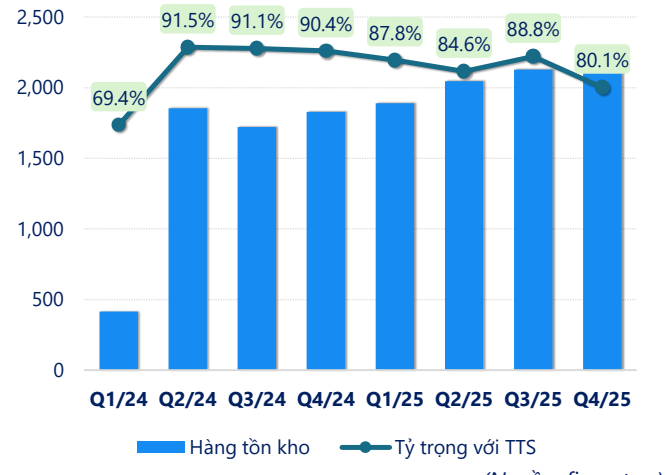
(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



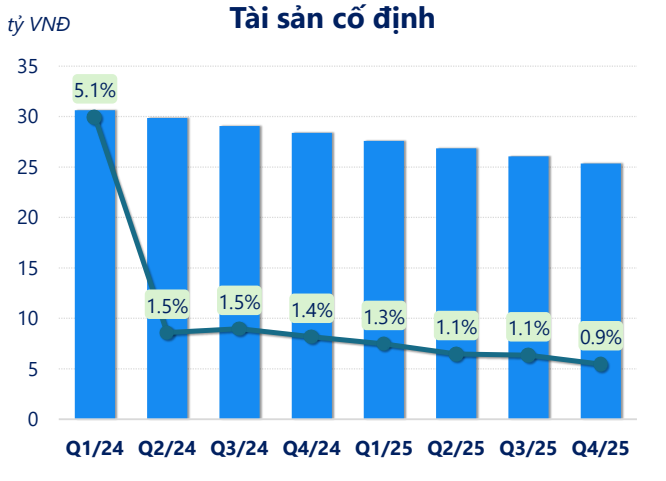
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



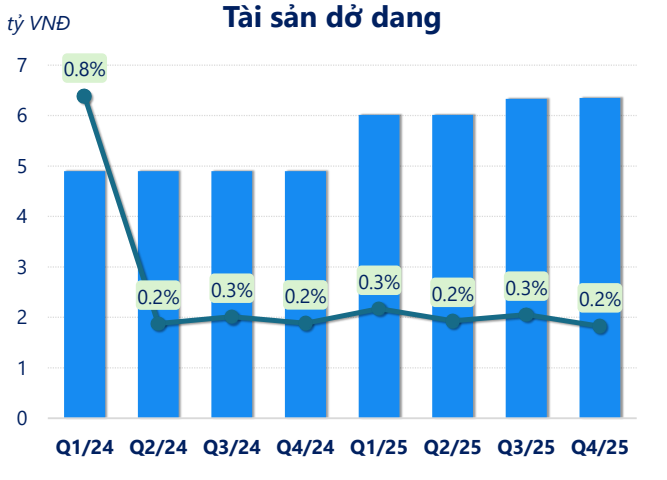
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



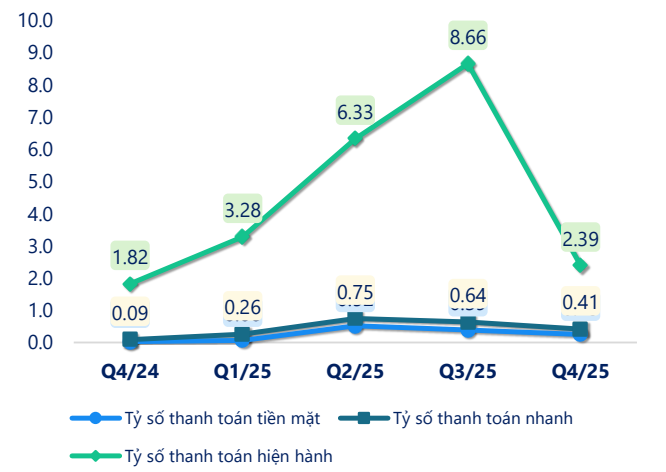
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



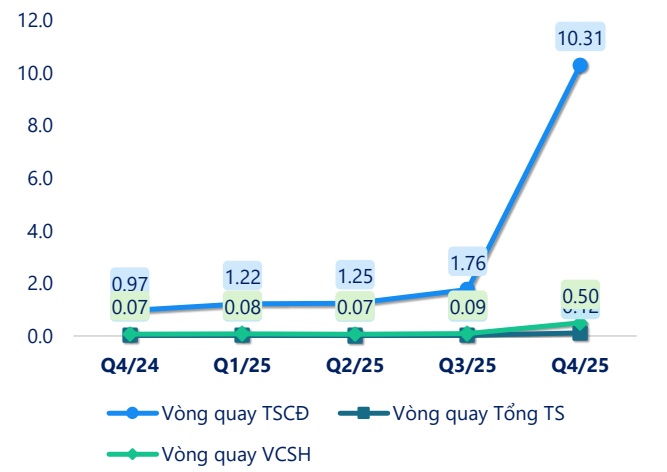
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Tổng tài sản	**2,022**	**2,152**	**2,418**	**2,396**	**2,708**
Tài sản ngắn hạn	**1,920**	**2,051**	**2,318**	**2,297**	**2,620**
Tiền và tương đương tiền	28.3	37.9	190	102	270
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	0	0	9.60
Phải thu ngắn hạn	53.5	110	61.2	40.4	160
Hàng tồn kho	1,828	1,891	2,045	2,128	2,169
Tài sản ngắn hạn khác	10.6	12.3	21.8	26.3	12.1
Tài sản dài hạn	**102**	**101**	**100**	**98.7**	**87.4**
Phải thu dài hạn	9.60	9.60	9.60	9.60	0
Tài sản cố định	28.4	27.6	26.8	26.1	25.4
Bất động sản đầu tư	58.4	57.5	56.6	55.7	54.8
Tài sản dở dang	4.90	6.01	6.01	6.33	6.35
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản dài hạn khác	0.51	0.74	1.04	0.94	0.89
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	**1,595**	**1,724**	**1,756**	**1,730**	**2,029**
Nợ ngắn hạn	**1,053**	**624**	**366**	**265**	**1,095**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	126	140	194	196	810
Phải trả người bán ngắn hạn	5.17	6.15	11.0	17.3	16.3
Nợ dài hạn	542	1,099	1,390	1,464	934
Vay và nợ thuê dài hạn	542	1,099	1,390	1,464	934
Nguồn vốn chủ sở hữu	**428**	**429**	**662**	**666**	**678**
Vốn chủ sở hữu	**428**	**429**	**662**	**666**	**678**
Vốn điều lệ	316	316	550	550	550
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)